

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

Số: 3444/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 12 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Trường phổ thông 2 cấp học (THCS & THPT) tại Bản Dôi, xã Thiên Phú, huyện Quan Hóa. Hạng mục: Nhà lớp học 01 tầng 05 phòng; Nhà hiệu bộ; Nhà học bộ môn thư viện; Nhà đa năng (Nghị quyết 30a)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 4444/QĐ-UBND ngày 13/12/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Trường phổ thông 2 cấp học (THCS&THPT) tại Bản Dôi, xã Thiên Phú, huyện Quan Hóa;

Căn cứ Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Trường phổ thông 2 cấp học (THCS&THPT) tại Bản Dôi, xã Thiên Phú, huyện Quan Hóa;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 4717/SXD-HĐXD ngày 30/8/2017 và của Chủ tịch UBND huyện Quan Hóa tại Tờ trình số 41/TTr-UBND ngày 27/7/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Trường phổ thông 2 cấp học (THCS&THPT) tại Bản Dôi, xã Thiên Phú, huyện Quan Hóa. Hạng mục: Nhà lớp học 01 tầng 05 phòng; Nhà Hiệu bộ; Nhà học bộ môn - thư viện; Nhà đa năng với các nội dung sau:

1. **Tên công trình:** Trường phổ thông 2 cấp học (THCS&THPT) tại Bản Dôi, xã Thiên Phú, huyện Quan Hóa. Hạng mục: Nhà lớp học 01 tầng 05 phòng; Nhà Hiệu bộ; Nhà học bộ môn - thư viện; Nhà đa năng.

2. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.

3. Chủ đầu tư: UBND huyện Quan Hóa.

4. Địa điểm xây dựng: Tại Bản Dôi, xã Thiên Phú, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

5. Nhà thầu khảo sát, thiết kế, lập dự toán xây dựng: Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng TMT.

6. Giải pháp kỹ thuật chủ yếu:

6.1. Hạng mục: Nhà lớp học 01 tầng 05 phòng:

a) Phương án kiến trúc :

Nhà cao 01 tầng. Mặt bằng hình chữ nhật kích thước 39x8,7m (tính từ tim trục 1-46, A-C). Chiều cao công trình là 5,55m (tính từ cos sân hoàn thiện đến cos đỉnh mái); chiều cao tầng là 3,6 m (tính từ cos 0.00 đến sàn mái); chiều cao mái là 1,5m (tính từ cos sàn mái đến đỉnh mái là 1,5m); cốt nền nhà (cos 0.0) cao hơn cốt sân hoàn thiện là 0,45m.

Mặt bằng nhà bố trí gồm 5 phòng học, hành lang rộng 2,1m.

Tường xây gạch không nung vữa xi măng mác 50, trát trong nhà VXM mác 50, trát ngoài nhà VXM mác 75, trát trần, gờ, phào, cạnh cửa VXM mác 75, tường trần lăn sơn trực tiếp. Gạch lát nền 500x500mm. Mái xây tường thu hồi VXM mác 50, gác xà gỗ thép U80x40x2, lợp tôn dày 0,4ly.

Bậc tam cấp xây gạch VXM mác 50, mặt và cổ bậc trát Granito; Hệ thống cửa đi, cửa sổ sử dụng cửa panô gỗ - kính. Hoa sắt cửa sổ thép vuông 12x12. Lan can hành lang bằng thép hộp.

b) Phương án kết cấu:

Phần móng sử dụng giải pháp móng đơn BTCT đá 1x2 mác 200 dưới cột, xây móng đá hộc VXM mác 75 dưới tường. Giằng móng BTCT đá 1x2 mác 200 đổ tại chỗ. Phần thân sử dụng hệ kết cấu khung BTCT chịu lực; cột, dầm, sàn BTCT đá 1x2 mác 200 đổ tại chỗ, tiết diện dầm điển hình 220x300mm, 220x550mm, tiết diện cột điển hình 220x220mm, 220x300mm; sàn BTCT dày 100mm.

c) Phần điện và chống sét:

Nguồn điện cấp cho công trình lấy từ tủ điện chung của trường, kéo đến tủ điện tổng phân phối đến các thiết bị sử dụng điện, sử dụng cáp kéo vào công trình loại CU/XLPE/PVC 2x16mm². Dây dẫn trong phòng dùng dây Cu/PVC 2x(1x1.5)mm², 2x(1x2.5)mm². Hệ thống dây dẫn điện luôn trong ống gen đi ngầm trong tường và trần.

Hệ thống chống sét trên mái công trình sử dụng kim thu sét $\phi 14$ dài 1m, dây dẫn sét thép $\phi 10$. Hệ cọc tiếp địa bằng thép hình L63x63x6mm dài 2,5m, chôn sâu cách mặt đất 0,8m, dây tiếp địa thép dẹt 40x4.

d) Phần cấp và thoát nước:

Nước mưa trên mái được thu về sênô xung quanh mái vào các ống đứng thoát nước PVC D90 và thoát ra rãnh thoát nước xung quanh nhà.

e) Giải pháp phòng cháy chữa cháy: Hệ thống phòng cháy chữa cháy của nhà gồm: hộp đựng bình chữa cháy, bình bột chữa cháy MFZL4, bình bột chữa cháy CO2MT3 và bảng nội quy tiêu lệnh chữa cháy đặt tại hành lang.

f) Giải pháp chống mối.

Tiến hành xử lý chống mối bên ngoài, bên trong và mặt nền công trình bằng cách đào hào và phun dung dịch chống mối.

6.2. Nhà Hiệu bộ:

a) Giải pháp kiến trúc:

Công trình có quy mô 2 tầng, mặt bằng công trình hình chữ nhật có kích thước 32,4mx8,1m (tính từ tìm trục 1-10, B-D). Chiều cao công trình là 10,15m (tính từ cos sân hoàn thiện đến đỉnh mái); Chiều cao tầng 1 là 3,6 m (tính từ nền cos 0.00 đến sàn tầng 2); chiều cao tầng 2 là 3,6m (tính từ sàn tầng 2 đến sàn mái); Chiều cao tầng mái là 2,5m (tính từ cos sàn mái đến đỉnh mái); Cos nền nhà 0.00 cao hơn cốt sân hoàn thiện 0,45m. Giao thông theo phương ngang bằng hành lang rộng 2,1m, theo phương đứng bằng cầu thang bộ đặt ở trung tâm của nhà.

Mặt bằng tầng 1 bố trí các phòng: Văn phòng đoàn, phòng hội đồng giáo viên, phòng hành chính văn thư tập vụ, phòng hiệu phó, phòng y tế học đường và khu vệ sinh chia thành 2 phòng nam - nữ riêng biệt. Mặt bằng tầng 2 bố trí các phòng: Phòng họp nhỏ, phòng hiệu trưởng, phòng kế toán - quỹ, kho học phẩm, phòng phó hiệu trưởng, phòng truyền thống và khu vệ sinh chia làm 2 phòng nam - nữ riêng biệt.

Tường xây gạch không nung vữa xi măng mác 50, trát trong nhà VXM mác 75, trát ngoài nhà VXM mác 75, trát trần, gờ, phào, cạnh cửa VXM mác 75, tường trần lăn sơn trực tiếp. Gạch lát nền 500x500mm. Khu vệ sinh lát gạch chống trơn KT 250x250mm, ốp tường vệ sinh bằng gạch 250x400mm. Mái xây tường thu hồi VXM mác 50, gác xà gỗ thép U80x40x3, lợp tôn dày 0,4ly.

Cầu thang, tam cấp xây gạch VXM mác 50, mặt và cổ bậc trát Granito; Hệ thống cửa đi, cửa sổ dùng cửa nhựa lõi thép, kính trắng dày 5mm. Hoa sắt cửa sổ thép vuông 14x14. Lan can hành lang xây tường có ô thoáng trang trí, lăn sơn trực tiếp.

b) Giải pháp kết cấu: Phần móng sử dụng giải pháp móng đơn BTCT đá 1x2 mác 200 dưới cột, xây móng đá hộc VXM mác 75 dưới tường. Dầm, giằng móng BTCT đá 1x2 mác 200 đổ tại chỗ. Phần thân sử dụng hệ kết cấu khung BTCT chịu lực; cột, dầm, sàn BTCT đá 1x2 mác 200 đổ tại chỗ, tiết diện dầm điển hình 220x350mm, 220x550mm, tiết diện cột điển hình 220x220mm, 220x300mm; sàn BTCT dày 100mm.

c) Giải pháp cấp điện:

Nguồn điện cấp cho công trình lấy từ tủ điện chung của trường, kéo đến tủ điện tổng phân phối đến các thiết bị sử dụng điện, sử dụng cáp kéo vào công trình loại XLPE/PVC/CU 2x25mm². Dây dẫn trong phòng dùng dây Cu/PVC 2x(1x1.5)mm², 2x(1x2.5)mm². Hệ thống dây dẫn điện luôn trong ống gen đi ngầm trong tường và trần.

Hệ thống chống sét trên mái công trình sử dụng kim thu sét $\phi 16$ dài 0,7m, dây dẫn sét thép $\phi 12$. Hệ cọc tiếp địa bằng thép hình L63x63x6mm dài 2,5m, chôn sâu cách mặt đất 0,8m, dây tiếp địa thép dẹt 40x4.

d) Giải pháp cấp, thoát nước:

Cấp nước: Nước cấp cho công trình được lấy từ nguồn cấp nước bên ngoài nhà qua bể nước ngầm và được bơm lên téc nước đặt trên mái sau đó cấp xuống thiết bị dùng nước. Ống cấp nước sử dụng ống PPR.

Thoát nước thải từ xí, tiểu được thu vào hệ thống đường ống riêng qua bể tự hoại xử lý và thoát ra rãnh thoát nước chung. Nước thải từ chậu rửa, lavabo được thu vào đường ống và thải trực tiếp ra rãnh thoát nước bên ngoài. Ống thoát nước sử dụng ống nhựa UPVC.

Nước mưa trên mái được thu về sân xung quanh mái vào các ống đứng thoát nước PVC D90 và thoát ra rãnh thoát nước xung quanh nhà.

e) Giải pháp phòng cháy chữa cháy:

Hệ thống phòng cháy chữa cháy của nhà gồm: hộp đựng bình chữa cháy, bình bột chữa cháy MFZL4, bình bột chữa cháy CO2MT3 và bảng nội quy tiêu lệnh chữa cháy đặt tại hành lang.

f) Giải pháp chống mối:

Tiến hành xử lý chống mối bên ngoài, bên trong và mặt nền công trình bằng cách đào hào và phun dung dịch chống mối.

6.3 Nhà học bộ môn - Thư viện:

a) Giải pháp kiến trúc: Công trình có quy mô 2 tầng, mặt bằng công trình hình chữ nhật có kích thước 56,4mx12,3m (tính từ tim đến tim trục 1-18, A-D). Chiều cao công trình là 9,45m (tính từ cos sân hoàn thiện đến đỉnh mái); Chiều cao tầng 1 là 3,6 m (tính từ cos nền tầng 1 đến sàn tầng 2); Chiều cao tầng 2 là 3,6m (tính từ cos nền tầng 2 đến cos sàn mái), Chiều cao mái là 1,8m (tính từ sàn tầng mái đến đỉnh mái). Cos nền nhà cao hơn cốt sân hoàn thiện là 0,45m. Giao thông theo phương ngang bằng hành lang rộng 2,1m, theo phương đứng bằng 3 cầu thang bộ đặt ở trung tâm, đầu, cuối của công trình.

Mặt bằng tầng 1 bố trí gồm: Phòng học ngoại ngữ, phòng học công nghệ + phòng chuẩn bị, phòng thí nghiệm vật lý + phòng chuẩn bị, phòng thí nghiệm hóa học + phòng chuẩn bị, hành lang rộng 2,1m.

Mặt bằng tầng 2 bố trí gồm: Phòng đọc giáo viên, kho sách, phòng đọc học sinh, phòng nghe nhìn, phòng thí nghiệm sinh học + phòng chuẩn bị, phòng thực hành tin học, hành lang rộng 2,1m.

Tường xây gạch không nung vữa xi măng mác 50, trát trong nhà VXM mác 75, trát ngoài nhà VXM mác 75, trát trần, gờ, phào, cạnh cửa VXM mác 75, tường trần lăn sơn trực tiếp. Gạch lát nền 500x500mm. Mái xây tường thu hồi VXM mác 50, gác xà gồ thép U80x40x3, lợp tôn dày 0,4ly.

Bậc tam cấp, cầu thang xây gạch VXM mác 50, mặt và cở bậc ốp đá Granite; Hệ thống cửa đi, cửa sổ sử dụng cửa panô gỗ - kính. Hoa sắt cửa sổ thép vuông 12x12. Lan can hành lang xây tường có ô thoáng trang trí.

b. Giải pháp kết cấu:

Phần móng sử dụng giải pháp móng đơn BTCT đá 1x2 mác 200 dưới cột, xây móng đá hộc VXM mác 75 dưới tường. Giằng móng BTCT đá 1x2 mác 200 đổ tại chỗ. Phần thân sử dụng hệ kết cấu khung BTCT chịu lực; cột, dầm, sàn BTCT đá 1x2 mác 200 đổ tại chỗ, tiết diện dầm điển hình 220x300mm, 220x600mm, tiết diện cột điển hình 220x220mm, 220x350mm; sàn BTCT dày 100mm.

c. Giải pháp cấp điện: Nguồn điện cấp cho công trình lấy từ tủ điện chung của trường, kéo đến tủ điện tổng phân phối đến các thiết bị sử dụng điện, sử dụng cáp kéo vào công trình loại XLPE/PVC/CU 2x25mm². Dây dẫn trong phòng dùng dây Cu/PVC 2x(1x1.5)mm², 2x(1x2.5)mm². Hệ thống dây dẫn điện luôn trong ống gen đi ngầm trong tường và trần.

Hệ thống chống sét trên mái công trình sử dụng kim thu sét $\phi 14$ dài 1m, dây dẫn sét thép $\phi 10$. Hệ cọc tiếp địa bằng thép hình L63x63x6mm dài 2,5m, chôn sâu cách mặt đất 0,8m, dây tiếp địa thép dẹt 40x4.

d) Giải pháp cấp, thoát nước:

Cấp nước: Nước cấp cho công trình được lấy từ giếng khoan, qua bể nước ngầm, bể lọc và được bơm lên téc nước đặt trên mái sau đó cấp xuống thiết bị dùng nước. Ống cấp nước sử dụng ống PPR.

Nước thải từ phễu sàn, lavabo được thu vào đường ống và thải trực tiếp ra rãnh thoát nước bên ngoài. Ống thoát nước sử dụng ống nhựa UPVC.

Nước mưa trên mái được thu về sân xung quanh mái vào các ống đứng thoát nước PVC D90 và thoát ra rãnh thoát nước xung quanh nhà.

e) Giải pháp phòng cháy chữa cháy:

Hệ thống phòng cháy chữa cháy của nhà gồm: hộp đựng bình chữa cháy, bình bột chữa cháy MFZL4, bình bột chữa cháy CO2MT3 và bảng nội quy tiêu lệnh chữa cháy đặt tại hành lang và cầu thang.

f) Giải pháp chống mối:

Tiến hành xử lý chống mối bên ngoài, bên trong và mặt nền công trình bằng cách đào hào và phun dung dịch chống mối.

6.4. Nhà đa năng:

a) Giải pháp kiến trúc:

Công trình có quy mô 1 tầng, mặt bằng công trình hình chữ nhật có kích thước 29,02mx19,42m (tính từ tim đến tim trục 1-9, A-F). Chiều cao công trình là 9,75m (tính từ cos sân hoàn thiện đến đỉnh mái). Cột nền nhà cao hơn cốt sân hoàn thiện 0,75m. Giao thông theo phương ngang bằng 2 hành lang 2 bên rộng 1,5m, có sảnh chính rộng 3,8m.

Mặt bằng nhà bố trí gồm : Khu vực sân khấu, phòng tập, kho dụng cụ, kho sân khấu, phòng thay đồ nam, phòng thay đồ nữ.

Tường xây gạch không nung vữa xi măng mác 50, trát trong nhà VXM mác 75, trát ngoài nhà VXM mác 75, trát trần, gờ, phào, cạnh cửa VXM mác 75, tường trần lăn sơn trực tiếp. Gạch lát nền 500x500mm. Cấu tạo mái khu vực

sân khấu + phòng tập gồm các lớp: lớp tôn dày 0,45mm, xà gồ thép hình C150x50x20x2,4mm, vì kèo thép hình L70x70x6mm, trần thạch cao khung xương nổi; mái sảnh gồm các lớp: mái ốp tấm amilium, khung xương thép hộp mạ kẽm, sàn BTCT, lớp trát trần.

Bậc tam cấp xây gạch VXM mác 50, mặt và cổ bậc trát Granito.

Hệ thống cửa đi, cửa sổ dùng cửa hệ cửa nhựa lõi thép, kính trắng dày 5mm. Hoa sắt cửa sổ thép vuông 12x12.

b) Giải pháp kết cấu:

Phần móng sử dụng giải pháp móng đơn BTCT đá 1x2 mác 200 dưới cột, xây móng đá hộc VXM mác 100 dưới tường. Giằng móng BTCT đá 1x2 mác 200 đổ tại chỗ. Phần thân sử dụng hệ kết cấu khung BTCT chịu lực; cột, dầm, sàn BTCT đá 1x2 mác 200 đổ tại chỗ, tiết diện dầm điển hình 220x300mm, tiết diện cột điển hình 220x220mm, D400mm; sàn BTCT dày 100mm. Phần mái sử dụng hệ vì kèo thép hình có khẩu độ 13,2m liên kết với cột bằng bulong chôn sẵn trong cột. Vì kèo thép cấu tạo gồm: Thanh cánh trên và thanh cánh dưới là thép hình L70x70x6, thanh bụng thép hình L50x50x5 và L56x56x5. Các liên kết sử dụng trong vì kèo là liên kết hàn và liên kết bulong.

c) Giải pháp cấp điện:

Nguồn điện cấp cho công trình lấy từ tủ điện chung của trường, kéo đến tủ điện tổng phân phối đến các thiết bị sử dụng điện, sử dụng cáp kéo vào công trình loại CU 8XLPE/PVC 2x10mm². Dây dẫn trong phòng dùng dây Cu/PVC 2x1.5mm², 2x2.5mm². Hệ thống dây dẫn điện luôn trong ống gen đi ngầm trong tường và trần.

Hệ thống chống sét trên mái công trình sử dụng kim thu sét $\phi 14$ dài 0,7m, dây dẫn sét thép $\phi 10$. Hệ cọc tiếp địa bằng thép hình L63x63x6mm dài 2,5m, chôn sâu cách mặt đất 0,8m, dây tiếp địa thép dẹt 40x4.

d) Giải pháp cấp, thoát nước:

Nước mưa trên mái được thu về sân xung quanh mái vào các ống đứng thoát nước PVC D90 và thoát ra rãnh thoát nước xung quanh nhà.

e) Giải pháp phòng cháy chữa cháy:

Hệ thống phòng cháy chữa cháy của nhà gồm: hộp đựng bình chữa cháy, bình bột chữa cháy MFZL4, bình bột chữa cháy CO₂MT3 và bảng nội quy tiêu lệnh chữa cháy đặt tại góc nhà.

f) Giải pháp chống mối:

Tiến hành xử lý chống mối bên ngoài, bên trong và mặt nền công trình bằng cách đào hào và phun dung dịch chống mối.

7. Giá trị dự toán:

Giá trị dự toán (làm tròn): 19.284.347.000 đồng (Mười chín tỷ, hai trăm tám mươi triệu, ba trăm bốn bảy nghìn đồng)

Trong đó:

- | | |
|---------------------|----------------------|
| - Chi phí xây lắp: | 14.009.697.607 đồng; |
| - Chi phí thiết bị: | 921.430.000 đồng; |

- Chi phí QLDA: 367.712.952 đồng;
- Chi phí TVĐTXDCT: 1.457.688.814 đồng;
- Chi phí khác: 774.694.803 đồng;
- Dự phòng: 1.753.122.418 đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

8. Nguồn vốn: Theo Quyết định số 258/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Trường phổ thông 2 cấp học (THCS&THPT) tại Bản Dôi, xã Thiên Phú, huyện Quan Hóa.

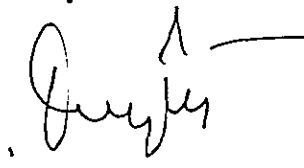
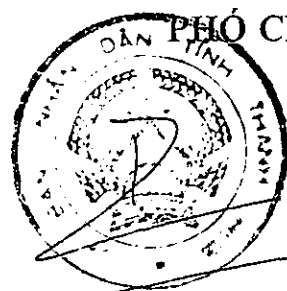
Điều 2. UBND huyện Quan Hóa (Chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức thực hiện các bước tiếp theo của dự án theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Quan Hóa; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để báo cáo);
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, VXT_{huy30a35}

KT. CHỦ TỊCH 
 PHÓ CHỦ TỊCH 

 Phạm Đăng Quyền

PHỤ LỤC DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
Trường phổ thông 2 cấp học (THCS & THPT) tại Bản Dôi, xã Thiên
Phủ, huyện Quan Hoa. Hàng mục: Nhà lớp học 01 tầng 05 phòng;
Nhà hiệu bộ; Nhà học bộ môn thư viện; Nhà đa năng

(Kèm theo Quyết định số 3444/QĐ-UBND ngày 12/9/2017
của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Khoản mục chi phí	Giá trị
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	14.009.697.607
II	CHI PHÍ THIẾT BỊ	921.430.000
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	367.712.952
IV	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	1.457.688.814
1	Chi phí khảo sát địa hình, địa chất	256.049.000
2	Chi phí thiết kế BVTC+DT	529.090.240
3	Chi phí thẩm tra thiết kế	34.744.050
4	Chi phí thẩm tra dự toán	33.903.468
5	Chi phí lập HSMT xây lắp và đánh giá HSDT XL	57.159.566
6	Chi phí lập HSMT xây lắp và đánh giá HSDT TB	3.381.648
7	Chi phí thẩm định giá thiết bị	11.000.000
8	Chi phí giám sát thi công XD	443.687.123
9	Chi phí giám sát thi công TB	7.776.869
10	Chi phí giám sát đánh giá dự án đầu tư	80.896.849
V	CHI PHÍ KHÁC	774.694.803
1	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN	30.000.000
2	Chi phí hạng mục chung	490.339.416
4	Chi phí thẩm định: HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu XL	12.736.089
5	Chi phí thẩm định: HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu TB	2.000.000
6	Chi phí bảo hiểm công trình	11.207.758
7	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	50.430.275
8	Chi phí kiểm toán	177.981.265
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	1.753.122.418
1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	876.561.209
2	Dự phòng cho yếu tố trượt giá	876.561.209
	TỔNG CỘNG	19.284.346.593
	LÀM TRÒN	19.284.347.000

(Muoi chín tỷ, hai trăm tám tư triệu, ba trăm bốn bảy nghìn đồng)